

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN DU LỊCH NÔNG NGHIỆP Ở TỈNH THANH HÓA

Trịnh Thị Phan¹

TÓM TẮT

Nghiên cứu có mục đích phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch nông nghiệp ở tỉnh Thanh Hóa thông qua khảo sát 198 khách du lịch (trong đó có 190 phiếu hợp lệ được sử dụng để phân tích). Nghiên cứu sử dụng phần mềm SPSS 26 để xử lý số liệu với phương pháp đánh giá độ tin cậy thang đo, phân tích tương quan và hồi quy tuyến tính bội được sử dụng để phân tích dữ liệu. Kết quả xác định có chín nhóm nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa bao gồm: điều kiện tự nhiên và tài nguyên DLNN, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn nhân lực du lịch; sự tham gia của cộng đồng, chính sách và quản lý, vị trí và khả năng tiếp cận, khoa học kỹ thuật và chuyển đổi số, sản phẩm và thị trường, quảng bá và xúc tiến. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để đề xuất một số định hướng nhằm thúc đẩy phát triển du lịch nông nghiệp ở tỉnh Thanh Hóa trong tương lai.

Từ khóa: Du lịch nông nghiệp, tỉnh Thanh Hóa, nhân tố ảnh hưởng.

DOI: <https://doi.org/10.70117/hdujs.3030-4652.87.5.2026.952>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Du lịch nông nghiệp (DLNN) là loại hình kết hợp giữa sản xuất nông nghiệp và hoạt động trải nghiệm du lịch ở vùng nông thôn. Phát huy tiềm năng của nông hộ trong việc cung cấp dịch vụ du lịch và nông sản địa phương không chỉ góp phần đáp ứng nhu cầu của du khách du lịch, mà còn tạo ra cơ hội phát triển kép cho cả ngành du lịch và nông nghiệp. DLNN hướng tới cung cấp những kỳ nghỉ ở vùng nông thôn, tại nông trại - nơi mà du khách trực tiếp được trải nghiệm quy trình sản xuất, văn hóa bản địa và môi trường thiên nhiên gắn với nông nghiệp. Bởi vậy, DLNN còn được quan niệm tương đồng với khái niệm du lịch nông trại và du lịch nông thôn [5] [15]. Trong bối cảnh phát triển bền vững, DLNN được xem là giải pháp chiến lược nhằm đa dạng hóa thu nhập cho nông hộ, bảo tồn cảnh quan và thúc đẩy kinh tế nông thôn.

DLNN đã hình thành và thu hút sự quan tâm của các bên liên quan ở Việt Nam khoảng hai thập kỷ trở lại đây với những nghiên cứu đánh giá tiềm năng nông thôn để phát triển du lịch, vai trò của cộng đồng địa phương, phát triển bền vững và chuỗi giá trị DLNN... Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 đã định hướng DLNN và nông thôn là một trong những sản phẩm chủ đạo cần được “đẩy mạnh phát triển” [4].

¹ Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức; Email: trinhthiphan@hdu.edu.vn

Tỉnh Thanh Hóa có diện tích tự nhiên rộng lớn, thiên nhiên và văn hóa đa dạng cùng nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển DLNN. Hướng tới mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ du lịch; DLNN bước đầu được quan tâm bởi chính quyền các cấp, doanh nghiệp cũng như cộng đồng dân cư. Tuy nhiên, thực tế phát triển DLNN của tỉnh Thanh Hóa còn rất khiêm tốn, quy mô nhỏ lẻ và chưa thực sự thu hút được sự quan tâm của số đông du khách.

Nghiên cứu có mục tiêu xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển DLNN ở tỉnh Thanh Hóa thông qua thu thập dữ liệu khảo sát 198 khách du lịch trên địa bàn tỉnh. Mô hình nghiên cứu giả thuyết 9 nhóm nhân tố có tác động tích cực đến phát triển DLNN tỉnh gồm: (1) Điều kiện tự nhiên và tài nguyên DLNN; (2) Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật; (3) Nguồn nhân lực; (4) Sự tham gia của người dân; (5) Chính sách và quản lý; (6) Vị trí và khả năng tiếp cận; (7) Khoa học kỹ thuật; (8) Sản phẩm và thị trường; (9) Quảng bá và xúc tiến. Dữ liệu sơ cấp được xử lý trên phần mềm SPSS 26 nhằm đánh giá độ tin cậy của thang đo, phân tích tương quan và hồi quy. Kết quả của nghiên cứu sẽ cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn để cơ quan quản lý nhà nước về du lịch, chính quyền địa phương xây dựng định hướng và thực hiện các giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển DLNN trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

2.1.1. Cơ sở lý thuyết

DLNN được định nghĩa khá đa dạng ở các góc độ nghiên cứu khác nhau cũng như sự phong phú trong thuật ngữ về du lịch liên quan đến nông nghiệp và những khái niệm tương đồng. Nhiều nhà nghiên cứu coi DLNN là một loại hình cụ thể của hoạt động du lịch nông thôn, nơi mà cơ sở lưu trú phải được tích hợp vào một khu nông nghiệp và cũng là nơi sinh sống của chủ sở hữu. DLNN là các hoạt động được kết nối và bổ sung lẫn nhau giữa nông nghiệp và du lịch; được thực hiện bởi các doanh nhân nông nghiệp và thành viên gia đình của họ [13]. DLNN cũng được hiểu là hoạt động du lịch có quy mô nhỏ ở phạm vi gia đình hoặc hợp tác xã, được tổ chức bởi những người làm việc trong ngành nông nghiệp và diễn ra ở nông thôn [1]. Về vai trò của DLNN, nhiều tác giả lập luận rằng DLNN đóng góp vào sự phát triển của địa phương, phát triển cộng đồng rõ ràng hơn so với du lịch đại chúng [12]; mang lại mục đích kép khi đồng thời nâng cao phúc lợi của cộng đồng nông thôn cùng với nỗ lực phát triển du lịch bền vững [14]. Tựu chung lại, các quan niệm về DLNN có sự thống nhất cơ bản khi xác định đây là hoạt động diễn ra ở vùng nông thôn hoặc vùng sản xuất nông nghiệp; tại đây du khách sẽ tham gia vào các hoạt động trải nghiệm liên quan đến sản xuất các sản phẩm nông nghiệp nhằm mục đích giải trí, tìm hiểu, thư giãn,... qua đó góp phần nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp và cải thiện thu nhập của người nông dân” [1]

Phát triển DLNN chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố khác nhau. Phát hiện của Lupi C (2017) cho rằng cảnh quan và môi trường đóng vai trò quan trọng trong việc định hình khả năng một trang trại tiến hành các hoạt động DLNN [6]. Nghiên cứu của Veek và cộng sự (2006) xác định lượng khách tham quan, chi phí dành cho quảng cáo và phương tiện công cộng ảnh hưởng tích cực đến thu nhập của trang trại [8]. Đặc điểm của từng trang trại/nông dân, nguồn lực và quy mô, hoạt động và quản lý, đào tạo nhân viên và tiếp thị của các trang trại hoạt động; số lượng và chất lượng nguồn nhân lực có sẵn của các giai đình nông dân cũng

nghư quy mô của trang trại [17]. Bên cạnh đó, các sự sẵn có của phương tiện giao thông và tính độc đáo của các nông sản ở trang trại (sản phẩm sạch, hữu cơ) cũng ảnh hưởng đến lượng khách tham quan trang trại [11]. Ngoài ra, thị trường, xúc tiến quảng bá và yếu tố môi trường cũng được xem là những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển DLNN. Đặc biệt, một số nghiên cứu gần đây đánh giá cao các yếu tố về khoảng cách (xa trung tâm DL lớn), cũng là điều kiện thúc đẩy DLNN [9].

2.1.2. Mô hình nghiên cứu

Dựa trên cơ sở tổng hợp lý luận và khảo sát đề tài nghiên cứu 9 nhóm nhân tố độc lập ảnh hưởng chính đến phát triển DLNN: (1) Điều kiện tự nhiên và tài nguyên DLNN; (2) Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật; (3) Nguồn nhân lực; (4) Sự tham gia của người dân; (5) Chính sách và quản lý; (6) Vị trí và khả năng tiếp cận; (7) Khoa học kỹ thuật; (8) Sản phẩm và thị trường; (9) Quảng bá và xúc tiến. Đây là mô hình kế thừa một số nghiên cứu trước của các tác giả Nguyễn Trọng Nhân và Trương Trí Thông (2023) [1], [2], [3]; song vận dụng cho lãnh thổ cấp tỉnh và trong điều kiện DLNN của Thanh Hóa còn ở giai đoạn khởi đầu. Tuy nhiên, mô hình không có nhân tố về “sự hài lòng của khách”, “giá cả”, “an ninh an toàn”, “vệ sinh môi trường” và đã bổ sung nhân tố “khoa học kỹ thuật” nhằm đảm bảo tính thời sự trong bối cảnh kinh tế số.

Điều kiện tự nhiên và tài nguyên DLNN là cơ sở quan trọng góp phần vào việc hình thành và phát triển DLNN, nông thôn [2]. Tài nguyên DLNN ảnh hưởng trực tiếp đến việc tạo nên các sản phẩm và trải nghiệm nông nghiệp cho du khách, bao gồm quy trình sản xuất, sản phẩm nông sản, làng nghề hay những trang trại, cánh đồng, dòng sông... gắn bó ngàn đời với hoạt động sản xuất của người nông dân. Từ đó, nghiên cứu đưa ra giả thuyết H1: “*Điều kiện tự nhiên và tài nguyên DLNN có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển DLNN tỉnh Thanh Hóa*”.

Cơ sở hạ tầng (CSHT) bao gồm hệ thống đường sá, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cung cấp điện và nước; là nền tảng thiết yếu cho phát triển du lịch. CSHT đảm bảo khả năng tiếp cận cũng như cung cấp dịch vụ thiết yếu trong chuyến đi của khách. Sự thuận lợi hay hạn chế của CSHT ảnh hưởng tới việc thúc đẩy hoặc cản trở sự kết nối giữa du lịch và nông nghiệp [2]. CSHT có tác động thuận chiều đến quyết định lựa chọn điểm đến DLNN của khách du lịch. Cơ sở vật chất kỹ thuật (CSVCKT) có vai trò chính trong việc thu hút và giữ chân du khách, nâng cao trải nghiệm trong chuyến tham quan của họ. Cũng như các loại hình du lịch khác, CSVCKT trong DLNN gồm lưu trú, ăn uống, vận chuyển, vui chơi giải trí... đảm nhận vai trò thu hút và giữ chân du khách cũng như nâng cao trải nghiệm trong chuyến tham quan của họ. CSVCKT thúc đẩy việc khai thác tiềm năng du lịch, cung ứng dịch vụ, hàng hóa, thỏa mãn nhu cầu của khách du lịch. Giả thuyết được đề xuất H2: “*CSHT và CSVCKT có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển DLNN tỉnh Thanh Hóa*”

Nguồn nhân lực du lịch là yếu tố quan trọng không chỉ bảo đảm vận hành hiệu quả các mô hình du lịch mà còn góp phần xây dựng hình ảnh điểm đến chất lượng. Người lao động cần được trang bị kiến thức chuyên môn về nông nghiệp - du lịch, kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm, năng lực quản lý, khả năng giao tiếp ngoại ngữ, cũng như phong cách phục vụ thân thiện, chuyên nghiệp. Nhiều nghiên cứu đã cho thấy, chất lượng nguồn nhân lực là yếu tố có tác động tích cực đến sức hấp dẫn và mức độ phát triển của các điểm DLNN ở khu vực nông thôn [1], [2]. Giả thuyết H3 được đề xuất: “*Nguồn nhân lực có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển DLNN của tỉnh Thanh Hóa*”.

Cộng đồng dân cư địa phương cùng với sự tham gia của họ có ý nghĩa quan trọng để thúc đẩy DLNN địa phương phát triển một cách bền vững [7]. Nhân tố này góp phần tạo nên các yếu tố hấp dẫn, cung ứng dịch vụ, hàng hoá, lao động và quản lý. Bên cạnh đó, thái độ thân thiện, mến khách của cư dân cũng là yếu tố tác động tới sự hài lòng cho chuyến đi của du khách. Do đó, giả thuyết H4 được đề xuất: *Sự tham gia của cộng đồng có ảnh hưởng tích cực tới sự phát triển DLNN của tỉnh Thanh Hóa.*

Chính sách và quản lý đóng vai trò nền tảng trong việc thúc đẩy phát triển DLNN có hệ thống và đảm bảo tính bền vững. Sự hiện diện của các chính sách hỗ trợ và công tác quản lý hiệu quả có ý nghĩa quyết định đến khả năng hình thành và mở rộng các mô hình DLNN. Trong bối cảnh phát triển DLNN còn mới tại Thanh Hóa, việc tăng cường vai trò điều phối và định hướng chiến lược của chính quyền là hết sức cần thiết. Từ cơ sở lý luận và thực tiễn trên, nghiên cứu đề xuất giả thuyết H5: *Chính sách và quản lý có ảnh hưởng tích cực tới phát triển DLNN tỉnh Thanh Hóa.*

Vị trí địa lý và khả năng tiếp cận được xem là một trong những yếu tố nền tảng ảnh hưởng đến sự phát triển của các điểm du lịch nói chung và DLNN nói riêng. Vị trí và khả năng tiếp cận là yếu tố tạo nên động cơ lớn nhất cho khách du lịch lựa chọn điểm đến DLNN. Giả thuyết H6 được đề xuất: *Vị trí và khả năng tiếp cận điểm du lịch có ảnh hưởng tích cực tới phát triển DLNN tỉnh Thanh Hóa.*

Cách mạng Công nghiệp 4.0, sự phát triển của khoa học kỹ thuật và chuyển đổi số đang tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực của nền kinh tế, trong đó có DLNN. Việc ứng dụng công nghệ mới giúp nâng cao trải nghiệm của du khách, giảm chi phí vận hành, nâng cao hiệu quả quản lý và gia tăng doanh thu cho các mô hình du lịch nông nghiệp của mọi ngành kinh tế. Do đó, giả thuyết H7 được đề xuất cho nhân tố này là: *Ứng dụng khoa học kỹ thuật và chuyển đổi số ảnh hưởng tích cực tới sự phát triển DLNN tỉnh Thanh Hóa.*

Sản phẩm DLNN có sức hấp dẫn khi nó thể hiện được tính độc đáo và bản địa, cung cấp cho du khách những trải nghiệm canh tác mang tính địa phương. Sự thành công của một sản phẩm DLNN phụ thuộc vào mức độ giá trị của nó đối với khách du lịch trong việc cung cấp các sản phẩm cạnh tranh. Xu hướng thị trường du lịch có ảnh hưởng quan trọng tới lượng khách tham gia DLNN của địa phương. Nhu cầu tìm kiếm những trải nghiệm mới ở vùng nông thôn cùng với việc khám phá tập quán sản xuất, lối sống của nông dân đã thôi thúc du khách đến với nông trại và DLNN. Từ đó, giả thuyết H8 được đề xuất: *Sản phẩm và thị trường DLNN có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển DLNN tỉnh Thanh Hóa.*

Quảng bá và xúc tiến trong phát triển du lịch có vai trò thúc đẩy sự tiếp cận thị trường của điểm đến thông qua các nội dung và hình thức quảng bá. Giả thuyết H9 được nghiên cứu đề xuất: *Quảng bá và xúc tiến du lịch ảnh hưởng tích cực tới phát triển DLNN tỉnh Thanh Hóa.*

Bảng 1. Tổng hợp thang đo và biến quan sát

STT	Nhóm biến	Số biến quan sát	Ký hiệu
1	Điều kiện tự nhiên và tài nguyên DLNN	3	ĐKTN
2	Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật	4	CSHT
3	Nguồn nhân lực	3	NNL

4	Sự tham gia của người dân	3	TGND
5	Chính sách và quản lý	5	CSQL
6	Vị trí và khả năng tiếp cận	3	VT
7	Khoa học kỹ thuật và chuyển đổi số	4	KHKT
8	Sản phẩm và thị trường DLNN	4	SPTT
9	Quảng bá và xúc tiến du lịch	3	QBXT
10	Tiềm năng và thực trạng phát triển DLNN	5	PTDLNN

(Nguồn: Kết quả thu thập và phân tích dữ liệu khảo sát, 2025)

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp thu thập số liệu

Nghiên cứu thực hiện thu thập dữ liệu theo bảng hỏi với thang đo Likert 5 mức độ từ 1 – Hoàn toàn không đồng ý đến 5 – Hoàn toàn đồng ý) dành cho đối tượng là khách du lịch đã từng đến tham quan các mô hình hoạt động DLNN ở Thanh Hóa. Chúng tôi đã thực hiện khảo sát đối với 198 khách du lịch; sau khi làm sạch dữ liệu, số phiếu hợp lệ đưa vào xử lý còn 190 phiếu. Theo Hair và cộng sự (2009), số mẫu tối thiểu nên được chọn là $n \geq 5$ (n là số biến quan sát). Bởi vậy, cỡ mẫu đảm bảo kết quả khảo sát có độ tin cậy [10]. Đối tượng khảo sát bao gồm 87 nam và 103 nữ; trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên (tỷ lệ 43,3% có trình độ sau đại học; tốt nghiệp cao đẳng/đại học chiếm 56,7%). Về nghề nghiệp: học sinh/sinh viên (13,8%); công chức/viên chức chiếm 33,3%; công nhân 25%; kinh doanh tự do 21,7%; nghề nghiệp khác (6,3%). Thời gian tiến hành khảo sát từ tháng 03/2025 – 4/2025. Bảng hỏi được thiết kế trên Google biểu mẫu (Google Forms) để thuận tiện thu thập dữ liệu đồng thời kết hợp với phỏng vấn trực tiếp một số chuyên gia là các nhà nghiên cứu chuyên sâu, các nhà quản lý điểm đến DLNN.

2.2.2. Phương pháp phân tích

Dữ liệu khảo sát khi thu thập đã được phân tích thông qua phần mềm SPSS 26.0 với các phương pháp định lượng gồm:

Đánh giá độ tin cậy của thang đo (hệ số Cronbach's Alpha): Nếu kết quả phân tích có Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6 là đảm bảo độ tin cậy (các mức từ 0,8 đến 1,0 thì thang đo lường là tốt, từ 0,7 đến gần 0,8 là sử dụng được). Ngoài ra, hệ số tương quan biến - tổng (Item-Total Correlation) $\geq 0,3$ đảm bảo độ tin cậy của biến đo lường.

Phân tích tương quan Pearson (Pearson Correlation) để xác định mối quan hệ tuyến tính giữa hai biến định lượng (giá trị sig), nhằm kiểm tra giả thuyết về mối quan hệ giữa các nhân tố trong mô hình. Kết quả tương quan là cơ sở để tiến hành phân tích hồi quy đa biến bội.

Phân tích hồi quy tuyến tính bội: Mô hình hồi quy tuyến tính có ý nghĩa, khi thỏa mãn các điều kiện: $0 \leq$ hệ số R^2 hiệu chỉnh ≤ 1 , hệ số Sig. của kiểm định F và kiểm định $t \leq 0,05$ và hệ số khuếch đại phương sai VIF < 10 , mô hình hồi quy thích hợp. Phương trình hồi quy tuyến tính đa biến có dạng: $Y = \alpha + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \dots + \beta_n X_n + u_i$. Trong đó, Y là biến phụ thuộc, α là hệ số tự do, β là hệ số biến, X là biến độc lập và u_i là sai số.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đánh giá độ tin cậy của thang đo

Trước khi tiến hành các bước phân tích tương quan và hồi quy, phương pháp đánh giá độ tin cậy của thang đo được sử dụng để đảm bảo các thang đo và biến quan sát trong nghiên cứu là phù hợp. Xử lý dữ liệu khảo sát về 09 nhân tố độc lập (biến độc lập) và 01 nhân tố phụ thuộc (biến phụ thuộc) cho ra kết quả hệ số Cronbach's Alpha $> 0,7$ (chấp nhận và sử dụng được) và hệ số tương quan biến tổng hiệu chỉnh nhỏ nhất của các biến quan sát $> 0,3$ (chấp nhận và đưa vào phân tích tiếp theo) (Bảng 2). Như vậy, 32 biến quan sát thuộc nhân tố độc lập và 05 biến quan sát nhân tố phụ thuộc là đáng tin cậy và đủ điều kiện để phân tích các bước tiếp theo trong tương quan Pearson và hồi quy tuyến tính bội.

Bảng 2. Hệ số Cronbach's Alpha của thang đo

Nhân tố/Biến độc lập	Cronbach's Alpha	Hệ số tương quan biến - tổng hiệu chỉnh (min)
Điều kiện tự nhiên và tài nguyên DLNN (ĐKTN)	0,784	0,632
Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật (CSHT)	0,779	0,699
Nguồn nhân lực (NNL)	0,812	0,700
Sự tham gia của người dân (TGND)	0,798	0,673
Chính sách và quản lý (CSQL)	0,818	0,773
Vị trí và khả năng tiếp cận (VT)	0,781	0,672
Khoa học kỹ thuật và chuyển đổi số (KHKT)	0,806	0,760
Sản phẩm và thị trường (SPTT)	0,805	0,742
Quảng bá xúc tiến (QBXT)	0,795	0,701
Tiềm năng và thực trạng phát triển (PTDLNN)	0,819	0,764

(Nguồn: Kết quả thu thập và phân tích dữ liệu khảo sát, 2025)

3.2. Phân tích tương quan (Pearson)

Bảng 3. Hệ số tương quan Pearson với phát triển du lịch nông nghiệp

Biến độc lập	Hệ số tương quan với PTDLNN	Sig.
ĐKTN	0,438**	0,000
CSHT	0,486**	0,000
NNL	0,500**	0,000
TGND	0,464**	0,000
CSQL	0,565**	0,000
VT	0,551**	0,000
KHKT	0,578**	0,000
SPTT	0,503**	0,000
QBXT	0,531**	0,000

**Có ý nghĩa thống kê ở mức 1%

(Nguồn: Kết quả thu thập và phân tích dữ liệu khảo sát, 2025)

Kết quả phân tích tương quan cho thấy: tất cả các biến độc lập (9 nhân tố) đều có tương quan tuyến tính dương và có ý nghĩa thống kê với biến phụ thuộc PTDLNN, thỏa mãn $\text{Sig.} < 0,05$. Biến có hệ số tương quan cao nhất với PTDLNN là KHKT (0,578) và biến CSQT (0,565), VT (0,551) và>NNL (0,500). Các biến tương quan thấp nhất là ĐKTN (0,438) và TGND (0,464), tuy nhiên vẫn có ý nghĩa thống kê. Hệ số tương quan tất cả các biến đều $< 0,7$ nên sẽ không có hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập. Do vậy, các biến độc lập cho thấy sự liên hệ thống nhất với PTDLNN, đồng thời đảm bảo điều kiện tiếp tục phân tích hồi quy tuyến tính bội.

3.3. Phân tích hồi quy tuyến tính bội

Phân tích hồi quy tuyến tính bội được sử dụng với mục đích xác định mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến sự phát triển DLNN ở tỉnh Thanh Hóa. Kết quả phân tích ANOVA cho thấy mô hình hồi quy có ý nghĩa thống kê với giá trị $\text{sig} = 0,000 < 0,05$, đồng nghĩa với việc ít nhất một biến độc lập có ảnh hưởng đến biến phụ thuộc. Giá trị R bình phương điều chỉnh đạt 0,704 cho thấy các biến độc lập giải thích được 70,4% sự biến thiên của PTDLNN. Giá trị Durbin–Watson đạt 1,928, nằm trong khoảng an toàn từ 1,5 đến 2,5 có ý nghĩa rằng mô hình không gặp hiện tượng tự tương quan chuỗi bậc nhất. Hệ số VIF của tất cả các biến độc lập đều nhỏ hơn 2, đảm bảo rằng không có hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập. Các hệ số hồi quy chuẩn hóa đều có giá trị $\text{sig} < 0,05$ xác định các nhân tố độc lập trong mô hình đều có tác động đáng kể đến PTDLNN.

Kết quả phân tích cho thấy, những nhóm biến có ảnh hưởng mạnh nhất là KHKT (Beta = 0,225), SPTT (Beta = 0,171) và QBXT (Beta = 0,155),>NNL (Beta = 0,150) cho thấy mức độ tác động lớn đến phát triển DLNN của Thanh Hóa. Biến có ảnh hưởng thấp nhất là ĐKTN (Beta = 0,127), CSQT (Beta = 0,134), VT (Beta = 0,139) tuy nhiên vẫn mang ý nghĩa thống kê. Các giả thuyết đưa ra đều được chấp nhận, tương đồng với kết quả chấp nhận trong mô hình của Trương Trí Thông và cộng sự (2023) và Nguyễn Trọng Nhân và cộng sự (2023) [2], [1].

Phương trình hồi quy chuẩn có dạng:

$$\text{PTDLNN} = 0,141 \cdot \text{ĐKTN} + 0,127 \cdot \text{CSQT} + 0,15 \cdot \text{>NNL} + 0,148 \cdot \text{TGND} + 0,134 \cdot \text{CSQT} + 0,139 \cdot \text{VT} + 0,225 \cdot \text{KHKT} + 0,171 \cdot \text{SPTT} + 0,155 \cdot \text{QBXT} + \varepsilon$$

Bảng 4. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính bội

Tên biến	Hệ số ước lượng (Beta)	Sig.	VIF	Kết luận giả thuyết
Hằng số		0,499		
CSQT	0,141	0,003	1,346	Chấp nhận
ĐKTN	0,127	0,009	1,459	Chấp nhận
NNL	0,150	0,002	1,475	Chấp nhận
TGND	0,148	0,001	1,330	Chấp nhận
CSQT	0,134	0,007	1,556	Chấp nhận
VT	0,139	0,004	1,486	Chấp nhận
KHKT	0,225	0,000	1,615	Chấp nhận
SPTT	0,171	0,000	1,379	Chấp nhận
QBXT	0,155	0,002	1,521	Chấp nhận

(Nguồn: Kết quả thu thập và phân tích dữ liệu khảo sát, 2025)

3.4. Thảo luận

Kết quả hồi quy tuyến tính bội đã khẳng định sự tồn tại của các mối quan hệ có ý nghĩa thống kê giữa các nhân tố và phát triển DLNN ở tỉnh Thanh Hóa đồng thời cũng làm rõ mức độ ảnh hưởng tương đối giữa các nhóm biến trong mô hình, theo thứ tự Beta giảm dần: KHKT, SPTT, QBXT, NNL, TGND, CSHT, VT, CSQT, ĐKTN (Bảng 4).

KHKT (khoa học kỹ thuật) và chuyển đổi số được đánh giá thông qua các chỉ số về mức độ quan tâm nâng cao năng lực ứng dụng KHKT cho người dân và doanh nghiệp; phát triển ứng dụng hỗ trợ khách; thúc đẩy sử dụng nền tảng số trong quảng bá và tiếp cận thị trường; ứng dụng công nghệ tiên tiến vào phát triển và quản lý các mô hình DLNN. Kết quả cho thấy đây là nhân tố có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất tới sự phát triển của DLNN ở tỉnh Thanh Hóa. Đây là điểm khác biệt so với một số nghiên cứu đã công bố của Nguyễn Trọng Nhân, Trương Trí Thông và cộng sự (2023), bởi nhân tố KHKT chưa được khảo sát ở các địa bàn đó [2], [1]. Song, kết quả khẳng định vai trò của đổi mới công nghệ, số hóa và nền tảng trực tuyến trong nâng cao hiệu quả vận hành, tiếp cận thị trường như công bố của Zawadka và cộng sự (2022) [9]. Do đó, thúc đẩy ứng dụng công nghệ, khoa học kỹ thuật trong phát triển mô hình, quản lý sản phẩm, tiếp cận thị trường, quảng bá DLNN nên là giải pháp ưu tiên hàng đầu ở địa phương.

SPTT (sản phẩm và thị trường) cũng thuộc nhóm có ảnh hưởng tích cực tới sự phát triển DLNN của tỉnh Thanh Hóa. Sản phẩm được đánh giá thông qua tính đặc trưng và độc đáo, dịch vụ đa dạng kết hợp với yếu tố thị trường (tăng trưởng lượng khách, hợp tác với doanh nghiệp lữ hành) góp phần tạo nên sức hấp dẫn, khả năng cạnh tranh và thu hút khách du lịch. Mặc dù sản phẩm DLNN chưa thực sự hấp dẫn song yếu tố thị trường lại có những tác động lớn đến sự phát triển của DLNN của Thanh Hóa. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Hung và cộng sự (2016) khi cho rằng hiệu quả hoạt động của trang trại du lịch phụ thuộc lớn vào khả năng thiết kế sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường và chiến lược tiếp thị [17]. Những năm gần đây, sự tăng trưởng lượng khách du lịch đến Thanh Hóa là rất đáng kể bởi sức hấp dẫn của các khu du lịch biển, sự đa dạng của loại hình vui chơi giải trí và chất lượng cơ sở lưu trú (xuất hiện khu nghỉ dưỡng và vui chơi của Flamigo, Sungroup). Sự lan tỏa của khách du lịch từ các loại hình truyền thống (nghỉ dưỡng biển, du lịch văn hóa) là yếu tố quan trọng để địa phương thúc đẩy đa dạng hóa sản phẩm du lịch cũng như gia tăng nhanh chóng lượng khách du lịch quan tâm đến loại hình DLNN. Giải pháp xây dựng sản phẩm DLNN mang tính cạnh tranh, đặc thù của địa phương nên được quan tâm để thúc đẩy loại hình này phát triển hiệu quả và bền vững trong thời gian tới.

QBXT (quảng bá và xúc tiến) là nhân tố có mức tác động lớn thứ 3 ($Beta = 0,155$) được đánh giá thông qua các thang đo về hoạt động quảng bá DLNN trên các phương tiện truyền thông; chất lượng nội dung các chương trình quảng bá; khả năng tiếp cận thông tin về điểm đến. Kết quả cũng củng cố lập luận của Veek và cộng sự (2006) khi nhấn mạnh vai trò của marketing trong phát triển DLNN [8]. Thúc đẩy quảng bá và nâng cao chất lượng quảng bá, ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo để sáng tạo nội dung cũng là những giải pháp cần thiết nhằm góp phần phát triển DLNN ở tỉnh Thanh Hóa.

NNL (nguồn nhân lực) cũng tác động tích cực tới phát triển DLNN với mức Beta đứng thứ 4/9 nhóm nhân tố, tương tự với phân tích của Bagi và Reeder (2012) về ảnh hưởng của năng lực lao động tới doanh thu của nông trại [7]. Phát triển DLNN cũng đòi hỏi nguồn lao động phải có chất lượng về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Những yếu tố đo lường gồm kiến

thức của lao động, sự thân thiện, lịch sự, cởi mở, kỹ năng thành thạo, nhanh nhẹn, giải đáp và hướng dẫn khách chu đáo, tận tình,... Ngoài ra, nhận thức của dân cư địa phương và thái độ tích cực của họ trong việc tham gia vào các hoạt động cung cấp dịch vụ, tuyên truyền và quảng bá hình ảnh... đóng vai trò quan trọng thúc đẩy DLNN ở tỉnh Thanh Hóa.

Các nhân tố TGND, CSHT, VT, CSQL, ĐKTN thuộc nhóm có tác động yếu hơn so với các nhân tố trên (Beta dao động từ 0,127 đến 0,139) tuy vẫn có ý nghĩa thống kê. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên du lịch nông nghiệp có ảnh hưởng thấp nhất trong 9 nhóm (Beta = 0,127), khác với các nghiên cứu truyền thống vốn coi tài nguyên và vị trí là nền tảng quyết định phát triển DLNN [13], [16]. Sự khác biệt này có thể được lý giải bởi sự phong phú tài nguyên du lịch vốn là thế mạnh của tỉnh Thanh Hóa, song thực tế khai thác chưa phát huy được tiềm năng dẫn đến sự phát triển DLNN phụ thuộc vào năng lực khai thác, phát triển sản phẩm, quảng bá trên cơ sở đẩy mạnh yếu tố ứng dụng khoa học kỹ thuật.

Như vậy, sự cần thiết của việc chú trọng phát triển sản phẩm, thị trường, cải thiện chính sách và nâng cao nguồn nhân lực để thúc đẩy DLNN. Đây là cơ sở khoa học cho việc hoạch định chiến lược phát triển phù hợp với điều kiện địa phương, trong bối cảnh chuyển đổi số và phát triển bền vững ngành DLNN.

4. KẾT LUẬN

DLNN có nhiều tác động tích cực đối với việc gia tăng thu nhập cho nông dân, cải thiện phúc lợi cộng đồng địa phương và đóng góp cho nỗ lực phát triển bền vững khu vực nông thôn. Tỉnh Thanh Hóa có tiềm năng đa dạng trong phát triển DLNN. Kết quả khảo sát du khách cho thấy cả 9 nhóm nhân tố đều có tác động tích cực đến sự phát triển DLNN ở địa phương gồm: điều kiện tự nhiên và tài nguyên DLNN, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn nhân lực; sự tham gia của người dân, chính sách và quản lý, vị trí và khả năng tiếp cận, khoa học kỹ thuật và chuyển đổi số, sản phẩm và thị trường, quảng bá xúc tiến. Trong đó, khoa học kỹ thuật và chuyển đổi số, sản phẩm và thị trường, quảng bá xúc tiến, nguồn nhân lực là bốn nhóm yếu tố có tác động mạnh nhất tới phát triển DLNN tỉnh Thanh Hóa. Nghiên cứu có ý nghĩa lý luận khi làm rõ các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển DLNN, đồng thời có giá trị thực tiễn trong việc định hướng chiến lược phát triển DLNN tại Thanh Hóa. Tuy nhiên, nghiên cứu mới chỉ khảo sát du khách nội địa và mô hình vẫn còn 15,3% biến thiên chưa được giải thích, do đó các nghiên cứu tiếp theo nên mở rộng đối tượng khảo sát và tích hợp thêm các biến điều tiết như sự hài lòng, lòng trung thành, cũng như bổ sung các yếu tố quản lý và quảng bá để hoàn thiện mô hình lý thuyết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Trọng Nhân, Trần Nhật Bằng, Phạm Thị Kiều Trân (2023), *Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch nông nghiệp huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long*, Tạp chí Nghiên cứu Địa lý nhân văn, 40(1) 58-65.
- [2] Trương Trí Thông và Nguyễn Trọng Nhân (2023), *Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch nông nghiệp ở huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ*, Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ, 60(2) 200-213, <https://doi.org/10.22144/ctujos.2024.262>.
- [3] Trương Trí Thông, Nguyễn Trọng Nhân, Nguyễn Huỳnh Phước Thiên (2024), *Đánh giá điều kiện, thuận lợi và khó khăn trong khai thác và phát triển du lịch nông nghiệp ở huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ*, TNU Journal of Science and Technology, 229(8) 53-64.

- [4] Thủ tướng Chính phủ (2020), *Quyết định Phê duyệt chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030*. Số 147/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2020.
- [5] A. Fleischer and A. Tchetchik (2005), *Does rural tourism benefit from agriculture?*, Tour Manag, 26(4) 493-501, <https://doi.org/10.1016/j.tourman.2003.10.003>
- [6] Claudio Lupi, V. Giaccio, L. Mastronardi, A. Giannelli, and A. Scardera (2017), *Exploring the features of agritourism and its contribution to rural development in Italy*, Land Use Policy, vol. 64, pp. 383-390 <https://doi.org/10.1016/j.landusepol.2017.03.002>
- [7] Faqir Singh Bagi and Richard J. Reeder (2016), *Factors affecting farmer participation in agritourism*, Agricultural and Resource Economics Review, 41(2), 189-199. <https://doi.org/10.1017/S1068280500003348>
- [8] Gregory Veeck, D. Che, and A. Veeck (2006), *America's Changing Farmscape: A Study of Agricultural Tourism in Michigan*, The Professional Geographer, 58(3) 235-248. <https://doi.org/10.1111/j.1467-9272.2006.00565.x>
- [9] Jan Zawadka, A. Jęczyk, M. M. Wojcieszak-Zbierska, G. Niedbała, J. Uglic, and J. Pietrzak-Zawadka (2022), *"Socio-Economic Factors Influencing Agritourism Farm Stays and Their Safety during the COVID-19 Pandemic: Evidence from Poland,"* Sustainability (Switzerland), 14(6), <https://doi.org/10.3390/su14063526>
- [10] Joseph F. Hair jr, W. C. Black, B. J. Babin, and R. E. Anderson (2009), *Multivariate data analysis*, Seventh Ed. Upper Saddle River, NJ: Pearson Prentice Hall.
- [11] Katia Laura Sidali, A. Spitaler, and G. Schamel (2019), *Agritourism : A Hedonic Approach of Quality Tourism Indicators in South Tyrol*, Sustainability, 11(13) 1-9, <https://doi.org/10.3390/su11133747>
- [12] P. Naidoo and R. Sharpley (2016), *Local perceptions of the relative contributions of enclave tourism and agritourism to community well-being : The case of Mauritius*, Journal of Destination Marketing & Management, 5(5) 16-25, <https://doi.org/10.1016/j.jdmm.2015.11.002>
- [13] Roberta Sonnino (2004), *For a 'piece of bread'? Interpreting sustainable development through agritourism in southern Tuscany*, Sociol Ruralis, 44(3) 285-300, <https://doi.org/10.1111/j.1467-9523.2004.00276.x>
- [14] Richard Sharpley (2009), *Tourism development and the environment: Beyond sustainability?* <https://doi.org/10.4324/9781849770255>
- [15] Sourav Rauniyar, M. K. Awasthi, S. Kapoor, and A. K. Mishra (2020), *Agritourism: structured literature review and bibliometric analysis*, Tourism Recreation Research, 46(1) 52-70, <https://doi.org/10.1080/02508281.2020.1753913>
- [16] Thanasis Kizos and T. Iosifides (2007), *The contradictions of agrotourism development in Greece: evidence from three case studies*, South Eur Soc Polit, 12(1) 59-77. <https://doi.org/10.1080/13608740601155443>
- [17] Wei-Ting Hung, H. Ding, and S. Lin (2016), *Determinants of performance for agritourism farms : an alternative approach*, Current Issues in Tourism, 19(13),1-7 <https://doi.org/10.1080/13683500.2015.1037254>

FACTORS AFFECTING THE DEVELOPMENT OF AGRICULTURAL TOURISM IN THANH HOA

Trinh Thi Phan

ABSTRACT

The study aims to analyze the factors influencing the development of agricultural tourism in Thanh Hoa province through a survey of 198 tourists (including 190 valid survey responses used for analysis). The method of assessing the reliability of the scale, involved relation analysis, and multiple linear regression were applied to analyze the data. The results identified nine groups of factors affecting the development of agricultural tourism in Thanh Hoa province, including natural conditions and agritourism resources, infrastructure, and technical facilities, tourism human resources; community participation, policies and management, location and accessibility, science and technology and digital transformation, products and markets, promotion and advertising. The research results are the basis for proposing a number of policy implications to promote the development of agricultural tourism in Thanh Hoa province in the future.

Keywords: Agritourism, Thanh Hoa province, factors.

* Ngày nộp bài: 05/06/2025; Ngày gửi phản biện: 11/06/2025; Ngày duyệt đăng: 20/05/2026

* Bài báo là sản phẩm của đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, mã số: B2023-HDT-05.